

Bản án số: 04/2018/DSPT  
Ngày 09/4/2018  
V/v Tranh chấp về HN & GD

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lê Quốc Huy

*Các Hội Thẩm nhân dân:*

1. Ông Lương Thường Tín

2. Ông Lê Văn Nguyên

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Nam Hải – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà:** Bà Hoàng Thị Ngọc Tú - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2017/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2017 về Tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Ông Thế T, sinh năm 1979.

Quê quán và đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ nơi làm việc: Cơ quan thường trú Đài truyền hình Việt Nam tại Bắc Kinh, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa; địa chỉ: China Beijing Chaoyang Dist. Yonganlidong Str. Wanhao Dep. B-7F (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Thị M, Công ty Luật TNHH LEVINA-Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội (có mặt).

*2. Bị đơn:* Chị Mai Thị H, sinh năm 1981.

Sinh trú quán: thôn YT, xã NH, huyện MH, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cháu Ông Thế P, sinh ngày 03/02/2012 là con chung của anh Ông Thế T và chị Mai Thị H, hiện đang ở với mẹ và ông bà ngoại tại thôn YT, xã NH, huyện MH, tỉnh Hưng Yên. Người đại diện hợp pháp của cháu Ông Thế P: Chị Mai Thị H – là mẹ cháu P.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai của anh Ông Thế T thể hiện: Anh và chị Mai Thị H quen biết nhau trong thời gian anh chị cùng công tác và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh, thông qua người giới thiệu và có thời gian tìm hiểu khoảng 03 tháng thì tổ chức đám cưới. Anh chị kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh ngày 21/01/2010 và tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống. Ngay sau khi về chung sống với nhau, vợ chồng đã nảy sinh bất đồng về lối sống, nề nếp sinh hoạt và về đối nhân xử thế. Vợ chồng thường xuyên va chạm, cãi cọ nhau, mức độ ngày một tăng, không có sự tôn trọng và yêu thương nhau. Ngày 20/8/2011 anh chị đã ký đơn thuận tình ly hôn nhưng phát hiện thấy chị H có thai nên anh chưa nộp đơn ra Tòa án. Tuy nhiên, mối quan hệ vợ chồng sau này chỉ còn tồn tại trên danh nghĩa, chị H về ở với bố mẹ đẻ ở quê xã NH, huyện MH còn anh T được cử đi công tác tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Anh chị đã ly thân nhau từ tháng 8/2011, hai người không còn có trách nhiệm, tình cảm gì với nhau nữa. Tháng 7/2015 anh T nộp đơn xin ly hôn chị H tại Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên và được Tòa án cấp sơ thẩm xử cho anh được ly hôn chị H. Tuy nhiên, chị H kháng cáo xin đoàn tụ và ngày 18/11/2016 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xử chấp nhận kháng cáo của chị H, bác đơn xin ly hôn của anh để tạo điều kiện cho hai anh chị có thời gian hàn gắn tình cảm vợ chồng. Kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn của anh đến nay, tình cảm vợ chồng không những không được cải thiện mà còn càng lạnh nhạt hơn, hai bên không còn liên hệ gì với nhau nữa. Do đó, ngày 21/11/2017 anh Ông Thế T tiếp tục nộp đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên giải quyết cho anh và chị H ly hôn.

Chị Mai Thị H trình bày: chị và anh T quen biết và kết hôn như anh T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh chị sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chị H thừa nhận anh chị chung sống với nhau một thời gian ngắn thì ly thân. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, thường xảy ra mâu thuẫn, có lúc xô xát đánh, chửi nhau. Kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn ly hôn của anh T đến nay, tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nay anh T tiếp tục có đơn xin ly hôn, quan điểm của chị muốn anh T suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dưỡng con chung. Nếu anh T không muốn đoàn tụ thì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết và chị sẽ tôn trọng quyết định của anh T. Do chị đi làm ở công ty thời gian rất hạn hẹp nên chị H xin giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt, nếu Tòa án có triệu tập chị cũng sẽ không đến và không cung cấp lời khai nào nữa.

Tòa án đã tiến hành xác minh, lấy lời khai của ông Mai Văn L là bố đẻ chị H và được ông L cho biết: Trong thời gian anh T và chị H chung sống với nhau vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, lời ăn tiếng nói, nề nếp ăn ở, sinh hoạt dẫn đến có lần anh T đánh chị H và chị H có lần chửi anh T. Do đó, khoảng cuối năm 2011 chị H đã bỏ việc ở thành phố Hồ Chí Minh về ở cùng với ông bà. Sau khi sinh con thì chị H mắc chứng trầm cảm sau sinh, phải đi khám tại bệnh viện tâm thần kinh, sau đó sức khỏe của chị H hoàn toàn bình thường, hàng ngày chị H vẫn đi làm công ty. Trước đây, hàng năm anh T đều về

thăm cháu P và cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Khoảng 1 năm trở lại đây anh T không đến thăm con và không cấp dưỡng nuôi con nữa. Quan điểm của gia đình là mong muốn anh T suy nghĩ lại để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nuôi dạy con chung để cho cháu P đỡ thiệt thòi, nếu anh T cương quyết xin ly hôn thì gia đình cũng chấp nhận.

Về con chung: anh T và chị H xác nhận anh chị có một con chung là cháu Ông Thế P, sinh ngày 03/02/2012 hiện đang ở cùng với chị H tại thôn YT, xã NH, huyện MH, tỉnh Hưng Yên. Nguyên vọng của chị H xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T nhất trí để chị H nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng cho cháu P 2.000.000đ/tháng. Tại buổi hòa giải ngày 06/02/2018 anh T và chị H nhất trí về mức tiền cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản, công sức và nợ: Anh T và chị H đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không có công sức gì đóng góp vào hai bên gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày 21/3/2018, có mặt luật sư bảo vệ quyền lợi cho anh Ông Thế T, anh Ông Thế T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Mai Thị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 09/4/2018, có mặt luật sư bảo vệ quyền lợi cho anh Ông Thế T, anh Ông Thế T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Mai Thị H đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Tại lời khai của chị H và các lần Tòa án giao giấy triệu tập chị H đều có quan điểm chị sẽ không đến phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về đường lối giải quyết vụ án, VKS đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Ông Thế T. Cho anh Ông Thế T ly hôn chị Mai Thị H. Về con chung, giao cháu Ông Thế P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H1 trưởng thành. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ. Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Ông Thế T hiện đang làm việc tại Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, còn chị H có hộ khẩu thường trú và sinh sống trên địa bàn xã NH, huyện MH, tỉnh Hưng Yên. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án tranh

chấp về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ông Thế T và chị Mai Thị H kết hôn tự nguyện, không vi phạm về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định, do vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp. Nay anh T có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Theo lời khai của các bên và lời khai của đại diện 2 gia đình, đủ căn cứ kết luận ngay sau khi kết hôn, vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, nề nếp và lối sống. Vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi cọ và không có sự tôn trọng nhau. Tháng 8/2011 hai người sống ly thân, từ đó đến nay các bên không quan T, chia sẻ gì với nhau về cuộc sống và công việc. Tháng 7/2015 anh T đã nộp đơn xin ly hôn chị H tại Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên và được Tòa án chấp nhận xử cho anh T và chị H ly hôn. Sau đó, do có kháng cáo của chị H nên Tòa án cấp phúc thẩm đã bác đơn ly hôn của anh T nhằm tạo điều kiện cho anh chị có một khoảng thời gian hàn gắn quan hệ vợ chồng. Kể từ đó đến nay, tình cảm giữa anh T và chị H không những không được cải thiện mà có chiều hướng trầm trọng hơn. Quá trình Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên thụ lý, giải quyết vụ án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không có kết quả. Xét thấy, tình cảm giữa anh T và chị H thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, giải quyết cho anh T và chị H ly hôn để các bên có điều kiện ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Anh T và chị H có một con chung là cháu Ông Thế P, sinh ngày 03/02/2012 hiện đang ở cùng với chị H tại thôn YT, xã NH, huyện MH, tỉnh Hưng Yên. Tại phiên hòa giải ngày 06/02/2018 chị H có ý kiến xin nuôi con và anh T nhất trí. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh T tự nguyện cấp dưỡng cho cháu P 2.000.000đ/tháng và chị H nhất trí. Xét thấy, ý kiến của anh T và chị H về việc nuôi dưỡng con chung phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của các bên và bảo đảm quyền lợi của con chung. Do đó, giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Ông Thế P cho đến năm cháu P đủ 18 tuổi, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000đ, kể từ ngày giải quyết ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T có quyền đi lại, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, trên cơ sở đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của con chưa thành niên.

[4] Về tài sản, công sức và nợ: Anh T và chị H đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 và điểm d khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Ông Thế T ly hôn chị Mai Thị H.

2. Về con chung: Anh Ông Thế T và chị Mai Thị H có một con chung là cháu Ông Thế P, sinh ngày 03/02/2012 hiện đang ở cùng với chị H tại thôn YT, xã NH, huyện MH, tỉnh Hưng Yên. Giao cho chị Mai Thị H được nuôi dưỡng con chung, anh Ông Thế T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000đ, kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/3/2018) đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

*Kể từ ngày chị Mai Thị H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án, nếu anh Ông Thế T không thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì phải chịu lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tại thời điểm thi hành án, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.*

3. Về tài sản: Không đặt ra để xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Ông Thế T phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000095 ngày 21/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Anh T còn phải nộp tiếp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**Lê Quốc Huy**

